TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07/7/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Đỗ Thị Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021, về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị V - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quý H - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt chị V, vắng mặt anh H (không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quý H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/11/2010 tại UBND xã Xuân Thọ, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Quá trình chung sống ngay từ những thời gian đầu vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế gia đình. Ngoài ra, anh H không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Do không thể

chịu đựng được nữa nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 10/2020 cho đến nay vợ chồng sống ly thân; Thời gian sống ly thân hai bên không quan tâm gì đến nhau. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh H, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quý H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quý H, sinh ngày 29/5/2011. Hiện nay cháu H đang ở với chị. Nếu được ly hôn, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Đối với anh Nguyễn Quý H: Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Quý H đến làm việc, anh H đã nhận văn bản tố tụng do Toà án huyện Triệu Sơn giao nhưng không đến làm việc. Nên không có ý kiến quan điểm của anh H về việc giải quyết vụ án.

* Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn đã tiến hành xác minh tại xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn nơi anh chị sinh sống, theo thông tin cung cấp thì được biết: Chị V và anh H là vợ chồng, cùng có hộ khẩu thường trú tại xã. Hiện nay chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã Xuân Thọ, huyện Triệu Sơn. Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Quý H hiện nay đang ở với mẹ. Anh H làm nghề lái xe thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đồng/tháng, chị V làm công nhân.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của chị V, xử cho chị V được ly hôn anh H; về con chung giao cháu Nguyễn Quý H cho chị V nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đồng. Về tài sản chị không yêu cầu giải quyết. Chị V phải chịu tiền án phí DSST, anh H chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị V yêu cầu giải quyết: Ly hôn và nuôi con. Cả chị V và anh H đều có địa chỉ tại xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Quý H không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được

hoãn lần thứ nhất vào ngày 15/6/2021. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh H.

[**2**] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị V và anh Nguyễn Quý H kết hôn với nhau năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị V vợ chồng sau khi kết hôn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do về kinh tế và anh H có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ tháng 10/2020 đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau.

Đối với anh H, anh đã được Toà án triệu tập hợp lệ, anh cũng đã được nhận các văn bản tố tụng do Toà án giao nhưng anh không đến Toà làm việc. Đây thể hiện anh không còn tình cảm với chị V và bỏ mặc việc giải quyết vụ án.

Ngoài ra, Tòa án cũng đã làm việc với địa phương nơi vợ chồng sinh sống thì hiện nay chị V không còn ở địa phương và đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, khi đi mang theo cả con là cháu H.

Xét thấy, chị V thực sự không còn tình cảm với anh H, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh H cũng không đến làm việc, bỏ mặc việc giải quyết vụ án chứng tỏ anh không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Đến nay chị V vẫn tha thiết xin ly hôn, với lý do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm đến nhau.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị V đã thực sự không còn tình cảm với anh H, anh H không quan tâm bỏ mặc việc giải quyết vụ án và không thiết tha níu kéo tình cảm vợ chồng. Do đó nếu buộc anh chị quay về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V và căn cứ Điều 56 Luật HN&GĐ xử cho chị V được ly hôn anh H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Theo chị V vợ chồng anh chị có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Quý H, sinh ngày 29/5/2011. Ly hôn chị V đề nghị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Chị V đã xuất trình giấy khai sinh của cháu H và có ghi tên mẹ là Lê Thị V và bố là Nguyễn Quý H. Như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu H là con chung của chị V và anh H.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu H ở với chị V, chị chăm sóc tốt, anh H không quan tâm chăm sóc con. Ngoài ra theo nguyện vọng của cháu là xin được ở với mẹ. Vì vậy, để cuộc sống của cháu không bị xáo trộn, không bị ảnh hưởng đến tâm, sinh lý; nhằm đảm bảo quyền lợi và sự phát

triển về mọi mặt cho cháu. Nên cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HN&GĐ giao cháu H cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.500.000đồng. Theo địa phương hiện nay anh H làm nghề lái xe có thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử thấy rằng, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, mà đây cũng là nguyện vọng của chị. Nhưng do không có ý kiến trực tiếp của anh H về mức thu nhập của mình, xét thấy mức cấp dưỡng chị V đưa ra là không cao so với mức với thu nhập cũng như mức sống hiện nay tại địa phương, nên cần chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000đồng là phù hợp. Do vậy Hội đồng xét xử buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị V mỗi tháng là 1.500.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2021 đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản: Chị V không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**3**] Về án phí: Chị Lê Thị V là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị V phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^{đ}.

Anh Nguyễn Quý H phải chịu tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị V.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị V và anh Nguyễn Quý H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận vợ chồng có 01 con chung là:

Nguyễn Quý H - Sinh ngày 29 tháng 5 năm 2011.

2.2. Giao con chung là Nguyễn Quý H cho chị Lê Thị V trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Anh Nguyễn Quý H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng là 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu Nguyễn Quý H đủ 18 tuổi.

2.4. Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Lê Thị V phải chịu 300.000[đ] tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000[đ] theo biên lai thu tiền số 0004344 ngày 25/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị V đã nộp đủ.

- Anh Nguyễn Quý H phải chịu 300.000[đ] tiền án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, đối với chị V kể từ ngày tuyên án, đối với anh H kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Xuân Thọ (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Ngọc Tuấn